

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Bà Bùi Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Xuyên – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2024/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Võ Ngọc H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số nhà B ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: 247/2 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Huỳnh Văn P, sinh năm 1980. Nơi cư trú: số nhà I, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn P:** Đinh Văn N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: số nhà C ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Võ Ngọc H trình bày:

Chị Võ Ngọc H và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, là hôn nhân tự nguyện. Sống chung có sinh được 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002; Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết. Về nợ chung, chị H và anh T nợ ông Huỳnh Văn P số tiền mua bán thức ăn 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng). Việc mua bán thức ăn dùng để phát triển kinh tế gia đình.

Từ khi kết hôn với nhau anh chị sống không hạnh phúc. Do tính tình không hợp thường xuyên cãi nhau. Rất nhiều lần anh T không những xúc phạm nhân phẩm mà còn bạo lực thể xác, tinh thần của chị H.

Nhận thấy không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Chị H yêu cầu được quyền nuôi 01 con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị H đồng ý cùng anh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị Võ Ngọc H kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, là hôn nhân tự nguyện. Sống chung có sinh được 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002; Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006; Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014. Giữa anh T và chị H có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với nhau. Về nợ chung, anh T thừa nhận có nợ ông Huỳnh Văn P số tiền mua bán thức ăn 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng). Việc mua bán thức ăn dùng để phát triển kinh tế gia đình.

Trong thời gian sống chung giữa anh T và chị H có xảy ra chút mâu thuẫn và chị H có bỏ nhà đi mấy tháng nay. Tuy nhiên theo anh T đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt không đến mức phải ly hôn.

Nay chị H có yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của H, anh T muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để lo cho con.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với 01 con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014 thì anh T tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con có ý kiến theo ai thì giao cho người đó nuôi. Trường hợp cháu Đ muốn ở với mẹ thì anh T không cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu có nguyện vọng ở với anh T thì không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: anh T đồng ý cùng chị Võ Ngọc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Theo đơn yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn P đề ngày 03/6/2024, cũng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ông P, anh Đinh Văn N trình bày: Ông Huỳnh Văn P là chủ cửa hàng mua bán thức ăn P, tuy nhiên chỉ là đại lý nhỏ lẻ nên không có đăng ký giấy phép kinh doanh. Vào năm 2015, ông Huỳnh Văn P có hợp đồng bằng miệng với ông Nguyễn Văn T và bà Võ Ngọc H để mua bán thức ăn, khi nào xong vụ bên ông T và bà H sẽ thanh toán cho ông P. Đến ngày 13/7/2023 hai bên có chốt nợ như sau: ông Nguyễn Văn T và bà Võ Ngọc H còn thiếu đại lý thức ăn P1 với tổng số tiền là 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng). Việc ký công nợ chỉ một mình bà H ký nhận nhưng xét thấy việc mua bán thức ăn dùng để phát triển kinh tế gia đình nên ông T cũng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

Nay ông Huỳnh Văn P yêu cầu giải quyết buộc bà Võ Ngọc H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng), yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

- Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Điều 37, 51, 53, 56, 60, 62, 87 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Ngọc H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị Võ Ngọc H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về con chung: Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không xem xét. Chị Võ Ngọc H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ.

+ Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T trình bày không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung:

Chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn P 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị Võ Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, con chung Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không xem xét. Chị Võ Ngọc H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ. Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T còn nợ ông Huỳnh Văn P 285.058.000 đồng tiền thức ăn nuôi tôm. Căn cứ vào Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là vụ án hôn nhân và gia đình.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại xã A, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh

Phù theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, điều kiện đến hôn nhân là tự nguyện, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/12/2002. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T có thời gian ngắn sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không còn hạnh phúc. Anh T không đồng ý ly hôn do anh T cho rằng là mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, anh T không có đưa ra hướng để vợ chồng khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc, tại tòa chị H cương quyết ly hôn. Mặt khác, cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T cho thấy nội dung mà chị H đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là có căn cứ chấp nhận. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

- Về con chung: Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không xem xét. Chị Võ Ngọc H yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, anh T đồng ý theo nguyện vọng của cháu Đ. Xét thấy cháu Nguyễn Quốc Đ có nguyện vọng được sống với mẹ nên để chị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014 là phù hợp, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc H và anh Nguyễn Văn T trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn P: Ông Huỳnh Văn P yêu cầu giải quyết buộc bà Võ Ngọc H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm

mười tám nghìn đồng), yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Chị Võ Thị Ngọc H2 và anh Nguyễn Văn T cũng thừa nhận còn nợ ông P 285.058.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho ông P. Xét thấy hợp đồng mua bán thức ăn giữa ông P và chị H2, anh T là tự nguyện, việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm không trái quy định của pháp luật. Chị H2 và anh T thừa nhận còn thiếu tiền thức ăn nuôi tôm nên ông P không cần chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H2 và anh P đồng ý liên đới trả cho ông P 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) nên ghi nhận.

[4] Chị Võ Ngọc H2 phải nộp án phí ly hôn theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí dân sự giá ngạch chị H2 và anh T liên đới nộp.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông P.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, Điều 51, Điều 56, Điều 70, Điều 71, Điều 72 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 430, 440 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Ngọc H2 đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Võ Ngọc H2 được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Chị Võ Ngọc H2 không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về con chung: Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 30/6/2002 và Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 05/6/2006 đã trưởng thành nên không xem xét. Chị Võ Ngọc H2 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 12/12/2014, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ.

+ Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc H2 và anh Nguyễn Văn T trình bày không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P.

Chị Võ Ngọc H2 và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn P 285.058.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Võ Ngọc H2 phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000117 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Anh Võ Ngọc H2 và anh Nguyễn Văn T liên đới nộp án phí giá ngạch là 14.252.000 đồng.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Văn P 7.126.450 đồng theo biên lai thu số 0001349 ngày 03/6/2024 củ Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

4. Các đương sự mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thới Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy